TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh P.

Bản án số: **35**/2018/HNGĐ-PT
Ngày 18/7/2018
V/v: Tranh chấp quyền nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương.
Ông Lê Quốc Thành.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử P. thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 04/6/2018 về việc "Tranh chấp quyền nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/HNGĐ-ST ngày 27/4/2018 của Toà án nhân dân huyện H.L bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúccthẩm số 33/2018/QĐ-PT ngày 02/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tống Văn T. - sinh năm 1985
Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn H.L, huyện H.L, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Mai Danh H. – sinh năm 1970.
và bà Mai Thị H. - sinh năm 1973.
Địa chỉ: Thôn 3, xã L.L, huyện H.L, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người kháng cáo:* Ông Mai Danh H. và bà Mại Thị H..

Tại phiên tòa có mặt: Anh T., bà H. và ông H..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn anh Tống Văn T. trình bày:

Anh T. và chị Mai Thị H. – sinh ngày 19/10/1993 trú tại thôn 3, xã L.L, huyện H.L (là con ông H. và bà H.) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/01/2016 tại UBND xã L.L.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh và chị H. có sinh được 01 con trai, đặt tên là Tống Mai X.P.. Thời gian đầu chung sống, do nhiều yếu tố khách quan và mâu thuẫn giữa gia đình H. bên nên anh và chị H. đồng ý tạm thời ở riêng (anh về ở với bố mẹ anh ở Thị Trấn H.L, còn chị H. về ở với bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã L.L, huyện H.L) để có thời gian động viên, thuyết phục H. bên gia đình với mong muốn đạt được sự hòa hợp của đôi bên.

Ngày 08/8/2017, chị H. chết mà anh không rõ nguyên nhân. Sau khi tìm hiểu thì được biết chị H. chết do tự tử, đuối nước.

Từ khi vợ anh chết, anh và bố mẹ anh vẫn thường xuyên xuống thăm cháu và gửi tiền cho ông Mai Văn H. và bà Mai Thị H. (cha mẹ đẻ của chị H.) để nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu. Anh và bố mẹ anh cũng đã nói chuyện với ông H. và bà H. về việc để anh đưa con anh về chung sống cùng anh, để anh được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Đó là nghĩa vụ và trách nhiệm của anh. Mặc dù anh và bố mẹ anh đã nhiều lần đến nói chuyện, giải thích nhưng ông H., bà H. nhất quyết không đồng ý, vẫn cố tình giữ cháu, không để anh đón cháu về nhà nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh đã làm đơn kiến nghị gửi UBND xã L.L để giải quyết sự việc và gia đình anh đã làm theo những ý của ông H., bà H. trong buổi làm việc tại UBND xã L.L. Thế nhưng ông H., bà H. vẫn nhất quyết không cho anh đón cháu về nuôi dưỡng, chăm sóc và không cho cháu qua lại bên gia đình anh.

Nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc ông H., bà H. phải thực hiện việc trao trả lại con cho anh để anh nuôi dưỡng và chăm sóc.

2. Theo bị đơn ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H. trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Mai Thị H. (đã chết). Anh Tống Văn T. – sinh năm 1985, trú tại khu 4, thị trấn H.L, huyện H.L và con gái bà là Mai Thị H. tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L.L ngày 25/01/2016. Nhưng do gia đình anh T. phản đối không cho anh T. lấy chị H. nên không tổ chức đám cưới được. Sau khi đăng ký kết hôn xong vợ chồng anh T., chị H. thuê phòng trọ ở với nhau được khoảng 02 tuần thì vợ chồng anh T. bàn nhau tạm thời ai về nhà nấy ở, để anh T. thuyết phục gia đình tổ chức đám cưới. Nhưng đến ngày 08/3/2016 anh T. xuống gia đình bà xin đưa chị H. lên nhà xin phép gia đình anh T. để tổ chức đám cưới, thì mẹ anh T. đã sỉ nhục chị H. và gia đình bà. Do bị sỉ nhục nên chị H. ngất ngay ở Cầu Nước Xanh nên không tổ chức đám cưới được.

Trong thời gian này chị H. đang mang thai nhưng gia đình anh T. không công nhận cái thai này là con của anh T. nên gia đình anh T. bắt chị H. phá thai nhưng chị H. không phá. Kể từ đó anh T. không quan tâm gì đến chị H.. Gia đình bà đã nhiều lần gặp gỡ gia đình anh T. và gặp riêng anh T. để xin và thuyết phục anh T. chăm sóc chị H. nhưng gia đình anh T. nói để thai hay không là do gia đình (ông bà) quyết định.

Đến ngày 26/9/2016 chị H. sinh cháu Tống Mai X.P., gia đình bà có thông báo cho anh T. nhưng anh T. không quan tâm gì đến mẹ con chị H..

Đến ngày 18/6/2017 âm lịch, con gái bà là chị Mai Thị H. do uất ức với gia đình anh T. nên tự vẫn. Kể từ khi chị H. chết đến nay anh T. và gia đình anh T. thỉnh thoảng có đến thăm cháu và cho cháu 3.000.000đ. Nay anh T. khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà giao cháu P. cho anh T. nhưng gia đình bà không đồng ý giao.

* Tại bản án số 09/2018/HNGĐ-ST ngày 27/4/2018 của Toà án nhân dân huyện H.L đã quyết định: Căn cứ Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 271; 273; 280; Khoản 3 Điều 144 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quốc Hội quy định về Án phí và Lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận đơn của anh Tống Văn T. khởi kiện đối với ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H.. Xử buộc ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H. phải giao cháu Tống Mai X.P. cho anh Tống Văn T. trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 04/4/2018, ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H. kháng cáo bản án, với nội dung: Đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Tống Mai X.P..

* Tại phiên toà P. thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo: Đề nghị hạn chế quyền nuôi con của anh T. cho đến khi cháu P. lớn ông, bà sẽ xem xét sau:

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và P. thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung kháng cáo thì xét thấy việc kháng cáo của ông H. và bà H. là có căn cứ bởi vì từ khi chị H. sinh cháu P., anh T. và gia đình không quan tâm đến cháu và mẹ cháu. Cháu P. ở với ông bà từ nhỏ chưa quen với sự chăm sóc của bố nên cần thiết phải để cháu ở với ông bà để cháu lớn và dần làm quen với sự thay đổi nơi ở mới. Để đảm bảo quyền lợi của cháu P., nên cần thiết hạn chế quyền nuôi con của anh T. trong thời gian nhất định từ 4 đến 5 năm.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông H. và bà H., và sửa án sơ thẩm theo hướng: Hạn chế quyền nuôi con của anh T. đối với cháu P. thời hạn từ 4 đến 5 năm và giao cháu P. cho ông H. và bà H. được quyền nuôi cháu cho đến khi anh T. được quyền yêu cầu nuôi con theo quyết định của Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm anh Tống Văn T. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H. thay đổi nội dung

kháng cáo, các bên không có thỏa thuận được với nhau về việc nuôi cháu P., nên được xem xét theo trình tự P. thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Anh Tống Văn T. và chị Mai Thị H. tự nguyện yêu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L.L, huyện H.L ngày 25/01/2016, là hôn nhân hợp pháp và được công nhận là vợ chồng.

Mặc dù chị H. và anh T. chưa làm lễ cưới theo phong tục và chị H. về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sinh cháu Tống Mai X.P. vào ngày 26/9/2016 trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, anh T. công nhận là con của anh và chị H. nên được công nhận là con chung của chị H. và anh T..

Ngày 18/6/2017 (âm lịch) chị H. mất, ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H. là bố mẹ đẻ của chị H., là ông bà ngoại của cháu P. đang trực tiếp chăm sóc cháu cho đến nay. Các bên thừa nhận là trong thời gian chị H. mất, anh T. và gia đình cũng đã đến gia đình ông H. và bà H. thăm cháu, cung cấp tiền nuôi dưỡng và đề nghị được đưa về cho anh T. là bố cháu chăm sóc và nuôi dưỡng nhưng ông bà không đồng ý. Anh T. cũng đã làm đơn gửi UBND xã L.L giải quyết nhưng cũng không có kết quả.

Tại phiên tòa ông H. và bà H. kháng cáo với lý do là bố mẹ anh T. không chấp nhận cho anh T. kết hôn với chị H., không tổ chức cưới hỏi và đã sỹ nhục chịu H.. Đồng thời quá trình chị H. mang thai và sinh cháu P., phía anh T. cùng gia đình không quan tâm đến cháu kể cả lúc sinh đẻ và ốm đau. Vì vậy anh T. không đủ tư cách nuôi cháu P. và đề nghị tước quyền nuôi con anh T. trong thời hạn 4 – 5 năm và giao cháu cho ông bà ngoại cháu được quyền nuôi cho đến khi cháu lớn sẽ xem xét sau.

Xét thấy anh T. và chị H. đều là người không bị hạn chế về thể chất và năng lực hành vi dân sự, yêu nhau và đến với nhau và cùng nhau đăng ký kết hôn tại UBND xã là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Còn việc bố mẹ anh T. không đồng ý và không tổ chức cưới hỏi cho anh T. và chị H. theo phong tục là lỗi của bố mẹ anh T.. Việc không tổ chức cưới hỏi không làm ảnh hưởng đến quan hệ vợ chồng giữa anh T. và chị H. và quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh T. đã được luật pháp công nhận.

Còn việc anh T. là cha đẻ nhưng không trực tiếp chăm sóc cháu P. từ khi sinh và sau khi mẹ cháu mất đến nay là do có những cản trở của hai bên gia đình, anh T. cũng đã nhiều lần đề nghị được đón cháu P. về nuôi và thông qua chính quyền địa phương giải quyết nhưng phía gia đình ông H. và bà H. đều không đồng ý. Như vậy anh T. đã thể hiện trách nhiệm của người cha với con đẻ, hoàn toàn không phải là anh T. không có trách nhiệm với cháu P. như trình bày của ông H. và bà H..

Hiện nay anh T. là cán bộ y tế đang công tác tại Bệnh viện Đa khoa huyện H.L, chưa lập gia đình và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cháu P. đã gần 02 tuổi. Do mẹ cháu đã mất, để đảm bảo quyền lợi lâu dài của cháu P. thì anh T. là cha đẻ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 69, 70, 71,72, 73 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tống Văn T. và buộc ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H. (là ông bà ngoại) phải giao cháu Tống Mai Gia P. cho anh T. (bố đẻ) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là quyền lợi và trách nhiệm của anh T. theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nên không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H., giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông H. và bà H. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 308; Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Danh H. và bà Mai Thị H., giữ nguyên quyết định về phần nuôi con của bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/HNGĐ-ST ngày 27/4/2018 của Toà án nhân dân huyện H.L .

- Án phí phúc thẩm: Ông H. và bà H. phải nộp 300.000đ án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002982 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.L.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệulực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P. thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện H.L;
- Chi cục THADS huyện H.L;
- UBND xã L.L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng